

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA TƠ  
Số: 147 /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Ba Tơ, ngày 28 tháng 10 năm 2024

### TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Ba Vi;  
nguồn vốn: Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Ba Tơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 4 của Quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 17/6/2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 03 xã: Ba Liên, Ba Điền, Ba Vi; Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện.

Ủy ban nhân dân huyện kính trình HĐND huyện xem xét ban hành Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Ba Vi; nguồn vốn: Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện số tiền 60.378 triệu đồng (ngân sách tỉnh: 47.703 triệu đồng, ngân sách huyện 12.675 triệu đồng), trong đó:

1. Điều chỉnh giảm danh mục dự án: Cầu Sông Re số tiền 44.331 triệu đồng (vốn ngân sách tỉnh 36.943 triệu đồng, vốn ngân sách huyện 7.388 triệu đồng).

Nguyên nhân đề nghị điều chỉnh: Hiện nay hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Ba Vi chưa được UBND tỉnh phê duyệt; dự án chưa có tên danh mục trong quy hoạch sử dụng đất năm 2024, do đó không thể triển khai

thực hiện đầu tư và giải ngân nguồn vốn trong năm 2024. Ngoài ra, dự án Cầu Sông Re tổng vốn đầu tư 80.000 triệu đồng, trong khi kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cân đối chưa đảm bảo đủ bố trí cho công trình và đồng thời Sở Giao thông vận tải đã có Công văn số 1221/SGTVT-KHTC ngày 15/4/2024 về việc kiến nghị đầu tư xây dựng cầu bê tông cốt thép thay thế cầu treo Măng Đen tại xã Ba Vì, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi nhưng đến nay Bộ Giao thông vận tải chưa có văn bản trả lời.

2. Điều chỉnh bổ sung tăng 11 danh mục với số tiền 46.178 triệu đồng (vốn ngân sách tỉnh 36.943 triệu đồng, vốn ngân sách huyện 9.235 triệu đồng).

Bổ sung tăng trung hạn ngân sách huyện: 1.847 triệu đồng để đảm bảo quy định mức đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định tại Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (dự án Cầu Sông Re chưa bố trí đủ kinh phí đối ứng theo quy định).

Những nội dung không điều chỉnh được thực hiện theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 17/6/2024 của Hội đồng nhân dân huyện.

(Chi tiết có dự thảo Nghị quyết và Phụ lục kèm theo)

Kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện Khóa XII;
- Các Phòng: NN&PTNT, TC-KH, KT&HT;
- TT HĐND, UBND các xã;
- VP HĐND&UBND huyện;
- VPNTM huyện;
- Lưu: VT, NN (Nga).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Giang Nam**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 -2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ BA VÌ**

(Kèm theo Tờ trình số 148/TT-UBND ngày 28/10/2024 của UBND huyện Ba Vì)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Dự án/Tiểu dự án/Địa bàn/Danh mục	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn sau bổ sung giai đoạn 2021-2025 đã ban hành			Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chênh lệch (Tăng (+), giảm (-))			Ghi chú
							Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
A	B	C	D	E	F	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10	
<b>I</b>	<b>XÃ BA VÌ</b>					<b>140.378,0</b>	<b>58.531</b>	<b>47.703</b>	<b>10.828</b>	<b>60.378,0</b>	<b>47.703,0</b>	<b>12.675,0</b>	<b>1.847,0</b>	<b>0,0</b>	<b>1.847,0</b>	
1	Nghĩa trang nhân dân xã Ba Vì	UBND xã Ba Vì	10ha	Thôn Nước Xuyên, xã Ba Vì	2024-2025	3.000,0	3.000	1.800	1.200	3.000,0	1.800,0	1.200,0	0,0	0,0	0,0	
2	Trường Tiểu học Ba Vì; Hạng mục: 04 phòng học, 02 phòng hỗ trợ học tập và 02 phòng phụ trợ	UBND xã Ba Vì	04 phòng học, 02 phòng hỗ trợ học tập và 02 phòng phụ trợ	Thôn Giã Vực, xã Ba Vì	2024-2025	6.750,0	6.750	5.400	1.350	6.750,0	5.400,0	1.350,0	0,0	0,0	0,0	
3	Trường THCS Ba Vì; Hạng mục: 04 phòng tập và 02 phòng hỗ trợ	UBND xã Ba Vì	04 phòng tập và 02 phòng hỗ trợ	Thôn Giã Vực, xã Ba Vì	2024-2025	4.450,0	4.450	3.560	890	4.450,0	3.560,0	890,0	0,0	0,0	0,0	
4	Cầu Sông Re	BQL DADTXD&P TQĐ huyện	L=200m	Thôn Giã Vực, xã Ba Vì	2024-2026	80.000,0	44.331	36.943	7.388				-44.331,0	-36.943,0	-7.388,0	Điều chỉnh giảm
5	Nâng cấp BTXM tuyến đường từ nhà Bà Lương đến cầu Nước Ui	UBND xã Ba Vì	L=550m	Thôn Nước Ui, xã Ba Vì	2024-2025	1.000,0				1.000,0	800,0	200,0	1.000,0	800,0	200,0	Bổ sung
6	Đường BTXM Tô Đông Rô đi bê Nước sạch, thôn Nước Xuyên	UBND xã Ba Vì	L=250m	Thôn Nước Xuyên, xã Ba Vì	2024-2025	700,0				700,0	560,0	140,0	700,0	560,0	140,0	Bổ sung
7	Kiên cố hóa kênh Mã Nin	UBND xã Ba Vì	L=200m	Thôn Nước Xuyên, xã Ba Vì	2024-2025	1.187,0				1.187,0	950,0	237,0	1.187,0	950,0	237,0	Bổ sung
8	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM đoạn từ cầu Suối Nước Đen đến nhà ông Lây	UBND xã Ba Vì	L= 1.000m	xã Ba Vì	2024-2025	3.000,0				3.000,0	2.400,0	600,0	3.000,0	2.400,0	600,0	Bổ sung
9	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Nước Trét - Gò Vành	UBND xã Ba Vì	L= 600m	xã Ba Vì	2024-2025	1.840,0				1.840,0	1.472,0	368,0	1.840,0	1.472,0	368,0	Bổ sung
10	Kiên cố hóa Kênh Nước Trét	UBND xã Ba Vì	L=350m	xã Ba Vì	2024-2025	1.071,0				1.071,0	857,0	214,0	1.071,0	857,0	214,0	Bổ sung
11	Cầu Pa Ranh	BQL DADTXD&P TQĐ huyện	Cống hộp 2H(3,5x3,5), L=19m; Đường hai đầu cầu L=150m	xã Ba Vì	2024-2025	8.500,0				8.500,0	6.800,0	1.700,0	8.500,0	6.800,0	1.700,0	Bổ sung
12	Cầu Nước Đen	BQL DADTXD&P TQĐ huyện	Cống hộp 2H(4x4), L=19m; Đường hai đầu cầu L= 300m	xã Ba Vì	2024-2025	8.200,0				8.200,0	6.560,0	1.640,0	8.200,0	6.560,0	1.640,0	Bổ sung
13	Cầu Nước Vai	BQL DADTXD&P TQĐ huyện	Cầu L=24m, B=7m; đường 2 bên cầu L=300m	xã Ba Vì	2024-2025	12.000,0				12.000,0	9.600,0	2.400,0	12.000,0	9.600,0	2.400,0	Bổ sung
14	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Mang Đen đi Mang Cảnh	BQL DADTXD&P TQĐ huyện	L=900m	xã Ba Vì	2024-2025	3.680,0				3.680,0	2.944,0	736,0	3.680,0	2.944,0	736,0	Bổ sung
15	BTXM cầu Nước Vai đến địa phận thôn Mang Biều (xã Ba Tiêu)	BQL DADTXD&P TQĐ huyện	Cống hộp 2H(4x4), L=19m; Đường hai đầu cầu L= 1000m	xã Ba Vì	2024-2025	5.000,0				5.000,0	4.000,0	1.000,0	5.000,0	4.000,0	1.000,0	Bổ sung

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Ba Vi; nguồn vốn: Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ  
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 20**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 4 của Quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 17/6/2024 của Hội đồng nhân dân huyện về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 03 xã: Ba Liên, Ba Điền, Ba Vi; Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 147/TTr-UBND ngày 28/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Ba Vi; nguồn vốn: Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện; Báo cáo thẩm tra số ...../BC-HĐND ngày ...../10/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Ba Vì; nguồn vốn: Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện số tiền 60.378 triệu đồng, trong đó:

1. Ngân sách tỉnh: 47.703 triệu đồng.
2. Ngân sách huyện đối ứng: 12.675 triệu đồng.

*(Chi tiết như phụ lục kèm theo).*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Ba Tư khóa XII, Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 05 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. Các nội dung khác của Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 17/6/2024 của Hội đồng nhân dân huyện không điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, KH&ĐT, TC;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- UB MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện Khóa XII;
- Các Phòng, ban ngành, Hội, đoàn thể huyện;
- Văn phòng HĐND & UBND huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã;
- Lưu: VT, NNPTNT.

**CHỦ TỊCH****Đinh Ngọc Vỹ**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 -2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ BA VÌ**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2024 của HĐND huyện Ba Vì)*

*Đvt: Triệu đồng*

Stt	Dự án/Tiểu dự án/Địa bàn/Danh mục	Chủ đầu tư	Quy mô dự kiến	Địa điểm đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn sau bổ sung giai đoạn 2021-2025 đã ban hành			Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Chênh lệch (Tăng (+), giảm (-))			Ghi chú
							Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
A	B	C	D	E	F	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10	
<b>I XÃ BA VÌ</b>						<b>140.378,0</b>	<b>58.531</b>	<b>47.703</b>	<b>10.828</b>	<b>60.378,0</b>	<b>47.703,0</b>	<b>12.675,0</b>	<b>1.847,0</b>	<b>0,0</b>	<b>1.847,0</b>	
1	Nghĩa trang nhân dân xã Ba Vì	UBND xã Ba Vì	10ha	Thôn Nước Xuyên, xã Ba Vì	2024-2025	3.000,0	3.000	1.800	1.200	3.000,0	1.800,0	1.200,0	0,0	0,0	0,0	
2	Trường Tiểu học Ba Vì; Hạng mục: 04 phòng học, 02 phòng hỗ trợ học tập và 02 phòng phụ trợ	UBND xã Ba Vì	04 phòng học, 02 phòng hỗ trợ học tập và 02 phòng phụ trợ	Thôn Giá Vực, xã Ba Vì	2024-2025	6.750,0	6.750	5.400	1.350	6.750,0	5.400,0	1.350,0	0,0	0,0	0,0	
3	Trường THCS Ba Vì; Hạng mục: 04 phòng tập và 02 phòng hỗ trợ	UBND xã Ba Vì	04 phòng tập và 02 phòng hỗ trợ	Thôn Giá Vực, xã Ba Vì	2024-2025	4.450,0	4.450	3.560	890	4.450,0	3.560,0	890,0	0,0	0,0	0,0	
4	Cầu Sông Re	BQL DADTXD&P TQĐ huyện	L=200m	Thôn Giá Vực, xã Ba Vì	2024-2026	80.000,0	44.331	36.943	7.388				-44.331,0	-36.943,0	-7.388,0	Điều chỉnh giảm
5	Nâng cấp BTXM tuyến đường từ nhà Bà Lương đến cầu Nước Ui	UBND xã Ba Vì	L=550m	Thôn Nước Ui, xã Ba Vì	2024-2025	1.000,0				1.000,0	800,0	200,0	1.000,0	800,0	200,0	Bổ sung
6	Đường BTXM Tô Đông Rô đi bệ Nước sạch, thôn Nước Xuyên	UBND xã Ba Vì	L=250m	Thôn Nước Xuyên, xã Ba Vì	2024-2025	700,0				700,0	560,0	140,0	700,0	560,0	140,0	Bổ sung
7	Kiên cố hóa kênh Mã Nin	UBND xã Ba Vì	L=200m	Thôn Nước Xuyên, xã Ba Vì	2024-2025	1.187,0				1.187,0	950,0	237,0	1.187,0	950,0	237,0	Bổ sung
8	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM đoạn từ cầu Suối Nước Đen đến nhà ông Lầy	UBND xã Ba Vì	L= 1.000m	xã Ba Vì	2024-2025	3.000,0				3.000,0	2.400,0	600,0	3.000,0	2.400,0	600,0	Bổ sung
9	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Nước Trét - Gò Vành	UBND xã Ba Vì	L= 600m	xã Ba Vì	2024-2025	1.840,0				1.840,0	1.472,0	368,0	1.840,0	1.472,0	368,0	Bổ sung
10	Kiên cố hóa Kênh Nước Trét	UBND xã Ba Vì	L=350m	xã Ba Vì	2024-2025	1.071,0				1.071,0	857,0	214,0	1.071,0	857,0	214,0	Bổ sung
11	Cầu Pa Ranh	BQL DADTXD&P TQĐ huyện	Cống hộp 2H(3,5x3,5), L=19m; Đường hai đầu cầu L=150m	xã Ba Vì	2024-2025	8.500,0				8.500,0	6.800,0	1.700,0	8.500,0	6.800,0	1.700,0	Bổ sung
12	Cầu Nước Đen	BQL DADTXD&P TQĐ huyện	Cống hộp 2H(4x4), L=19m; Đường hai đầu cầu L= 300m	xã Ba Vì	2024-2025	8.200,0				8.200,0	6.560,0	1.640,0	8.200,0	6.560,0	1.640,0	Bổ sung
13	Cầu Nước Vai	BQL DADTXD&P TQĐ huyện	Cầu L=24m, B=7m; đường 2 bên cầu L=300m	xã Ba Vì	2024-2025	12.000,0				12.000,0	9.600,0	2.400,0	12.000,0	9.600,0	2.400,0	Bổ sung
14	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Mang Đen đi Mang Cành	BQL DADTXD&P TQĐ huyện	L=900m	xã Ba Vì	2024-2025	3.680,0				3.680,0	2.944,0	736,0	3.680,0	2.944,0	736,0	Bổ sung
15	BTXM cầu Nước Vai đến địa phận thôn Mang Biều (xã Ba Tiêu)	BQL DADTXD&P TQĐ huyện	Cống hộp 2H(4x4), L=19m; Đường hai đầu cầu L= 1000m	xã Ba Vì	2024-2025	5.000,0				5.000,0	4.000,0	1.000,0	5.000,0	4.000,0	1.000,0	Bổ sung